CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số : 59 /BC-DVĐN	Đà Nẵng, ngày 28 tháng 2 năm 2019

Kính gửi : Hội đồng quản trị

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2019

I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018:

1/ Thuận lợi , khó khăn :

a/ Thuận lợi :

- Lượng khách quốc tế đi đến quốc nội và quốc tế của các Hãng hàng không tại các sân bay Miền Trung vẫn giữ ổn định theo kế hoạch và tăng cao trong dịp Lễ Tết nên kinh doanh các dịch vụ trong dây chuyền hàng không của các đơn vị trong Công ty gặp nhiều thuận lợi.

- Công tác an toàn, an ninh PCCN được tăng cường và đảm bảo tuyệt đối trong những ngày cao điểm và Lễ, Tết.

b/ Khó khăn :

Tình hình thực hiện năm 2018 có nhiều diễn biến làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và làm giảm hiệu quả của Công ty, cụ thể :

- Giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng do tình hình chính trị thế giới, trong đó giá Xăng , dầu tăng trên 8% so với KH ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD taxi của các đơn vị.

- Kinh doanh taxi ngày càng khó khăn về thị trường, áp lực cạnh tranh ngày càng cao về số lượng và chất lượng dịch vụ, đặc biệt là giá vận chuyển cạnh tranh gay gắt với Hãng taxi Grab.

- Một số nhiệm vụ được Tổng Công ty giao cho MASCO thực hiện tốt những năm trước đây như cung cấp vật tư vật phẩm tại Cam Ranh, vận chuyển tổ lái tiếp viên, trong năm 2018 Công ty không được thực hiện ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD của đơn vị.

2/ Một số kết quả đạt được trong hoạt động SXKD:

a/ Công tác quản lý và điều hành Công ty:

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Ký ngày: 8/4/2019 14:52:33

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 vào ngày 24/4/2018 với kết quả Đại hội biểu quyết 100% theo đúng các nội dung của Nghị quyết số 724/NG-HĐQT/TCTHK của Tổng Công ty HKVN V/v thông qua nội dung chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của MASCO. Đại hội đã thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư 2018, báo cáo tài chính 2017, báo cáo ban kiểm soát 2017, sửa đổi điều lệ....

- Tiếp tục theo dõi thủ tục xin cấp đất để xây dựng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng.

- Rà soát kiểm tra đánh giá lại các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu đầu vào tại các đơn vị trực thuộc công ty; Hoàn thành đàm phán và ký kết hợp đồng với một số đối tác mới về cung ứng nguyên liệu tại Chi nhánh Nha Trang có giá cung cấp thấp hơn tiết kiệm được chi phí giá vốn và tăng hiệu quả cho đơn vị;

- Triển khai thực hiện đầu tư theo kế hoạch năm 2018 đã phê duyệt, như : Hoàn thành thi công xây dựng nhà chế biến suất ăn đường sắt ; Hoàn thành thực hiện đầu tư 01 xe tải đông lạnh phục vụ vận chuyển suất ăn đường sắt; Hoàn thành thực hiện đầu tư 01 xe 5 chỗ tự động cho trung tâm đào tạo lái xe ô tô mô tô Thừa Thiên Huế ; Hoàn thành phối hợp với các đơn vị PA, Skypec và Vinacs kiểm tra, giám sát thi công cải tạo sửa chữa tuyến đường vào cổng 1A Cam Ranh;

- Làm việc với TCT để triển khai kế hoạch mua chung bảo hiểm tài sản, cơ sở vật chất và phương tiện vận chuyển của Công ty, triển khai áp dụng năm 2019 nhằm tiết giảm chi phí cho Công ty;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Hoàn thành chứng nhận đạt chuẩn hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 cho nhà máy chế biến suất ăn Cam Ranh, triển khai tại Đà Nẵng và Phú Bài;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát trong sản xuất về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm; Thực hiện tốt các chính sách tiết kiệm, chấp hành các quy định và kỷ luật lao động trong toàn Công ty.

b/ Một số khó khăn và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động KD:

- Dự án xây dựng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng tiến độ chưa được triển khai theo kế hoạch. Hồ sơ, thủ tục thuê đất tại sân bay Đà Nẵng của Công ty đã được gửi Cục Hàng không VN xem xét phê duyệt, đến nay vẫn chưa có kết quả.

- Phương án liên kết sản phẩm, dịch vụ giữa các đơn vị thuộc Tổng công ty triển khai còn chậm dẫn đến Công ty hiện nay vẫn chưa được cung cấp dịch vụ cho Hãng không Jetstar Pacific Airlines tại sân bay Cam Ranh.(Thực hiện thông báo số 227/TB-TCTHK-VP ngày 13/02/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng không Việt Nam về việc "Xây dựng phương án liên kết sản phẩm, dịch vụ giữa các doanh nghiệp TCT";

- Tiền lương bình quân/người một số lao động có tay nghề cao còn thấp so với các đơn vị có cùng ngành nghề.

3/ Kết quả SXKD năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		TH 2018/ KH 2018 (%)
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	*2*	*3*	*4*	5=4/3
I	**Kết quả kinh doanh**			
1	**Sản lượng suất ăn**	**2,182,945**	**2,239,443**	**102.59%**
	- Sản lượng suất ăn VNA	1,790,680	1,827,620	102.06%
	- Sản lượng suất ăn quốc tế khác	392,265	411,823	104.99%
2	**Tổng doanh thu**	**226,685**	**237,936**	**104.96%**
	- Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	223,582	235,429	105.30%
	Trong đó: Doanh thu HHDV cung ứng cho TCT	*98,904*	119,668	120.99%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	-	122	
	- Thu nhập khác	3,103	2,385	76.86%
3	**Tổng chi phí**	**208,999**	**219,705**	**105.12%**
4	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**17,686**	**18,231**	**103.08%**
5	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**14,415**	**14,854**	**103.05%**
II	**Các chỉ tiêu khác**			
1	Vốn chủ sở hữu			
1,1	Vốn chủ sở hữu BQ trong năm của DN	43,479	43,479	100.00%
1,2	Vốn đầu tư của các chủ sở hữu cuối kỳ báo cáo	*42,677*	42,677	100.00%
	Trong đó : + Vốn đầu tư của TCT cuối kỳ báo cáo			
	+ Tăng giảm vốn góp của TCT trong kỳ	15,413	15,413	100.00%
2	Lợi nhuận/cổ tức TCT được hưởng trong kỳ			
	+ Bằng tiền			
	+ Bằng cổ phiếu (Giá trị theo mệnh giá)			
3	Tỷ suất LNTT/Vốn CSH BQ (%)			
	Tỷ suất LNTT/Vốn Điều lệ(%)	33.2%	34.2%	103.05%
4	Kế hoạch đầu tư trong kỳ			
4,1	Đầu tư XDCB và TTB			
	- Giá trị khối lượng công việc hoàn thành	76,263	7,120	9.34%
	- Giá trị giải ngân	76,263	5,271	6.91%
4,2	Đầu tư vốn vào DN khác			
5	Tổng quỹ lương, tiền công	54,809	58,439	106.62%
6	Lao động bình quân	653	675	103.37%

4/ <u>Vốn chủ sở hữu :</u>

- Kế hoạch 2018 : 42.676.830.000 đồng
- Thực hiện năm 2018 : 42.676.830.000 đồng.

5/ <u>Tình hình thực hiện đầu tư năm 2018:</u>

- Tổng mức đầu tư kế hoạch năm 2018 được phê duyệt là 76,263 tỷ đồng.

- Tổng mức thực hiện năm 2018 là 7,120 tỷ đồng đạt 9,3% so với kế hoạch năm.

Trong đó:

+ Dự án chuyển tiếp 2017 sang năm 2018 : 1,675 tỷ đồng đạt 74,3% so với KH (Cải tạo sửa chữa tuyến đường nội bộ Cam Ranh).

+ Dự án đầu tư mới 2018 : 5,445 tỷ đồng đạt 7,4% so với KH, gồm:

++ Máy móc thiết bị : 0,992 tỷ đồng, đạt 4,9%.

+ + Thiết bị máy móc lẻ : 0,501 tỷ đồng, đạt 100,3%.

++ XD nhà chế biến suất ăn ĐS : 0,322 tỷ đồng, đạt 80,5%.

++ Cải tạo khu chế biến SA CXR : 0,181 tỷ đồng, đạt 12,1%.

++ Cải tạo mở rộng bếp SA DAD : 3,449 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản 1,532 tỷ đồng đầu tư theo KH đạt 102%, phát sinh ngoài KH là 1,916 tỷ đồng do mua thanh lý thiết bị máy móc của NCS và chi phí lắp đặt tại XN suất ăn Đà Nẵng nhằm hoàn thiện dây chuyền sản xuất và bố trí lắp đặt thêm khu vực sản xuất suất ăn halal để phục vụ cho các chuyến bay quốc tế)

- Các dự án lớn không thực hiện đầu tư trong năm 2018, bao gồm :

+ Đầu tư 22 xe taxi mới do tình hình kinh doanh taxi trong năm 2018 không được thuận lợi, cạnh tranh gay gắt giữa các hãng taxi truyền thống với Grab nên công ty quyết định không thực hiện đầu tư trong năm 2018.

+ Dự án xây dựng cơ sở chế biến SA Đà Nẵng : ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã thông qua chủ trương và giao HĐQT MASCO triển khai đầu tư xây dựng cơ sở chế biến SA Đà Nẵng. Công ty đã lập hồ sơ thủ tục xin thuê đất và nhiều lần làm việc với Cục Hàng không xin chấp thuận chủ trương thuê đất tại sân bay Quốc tế Đà Nẵng để triển khai thực hiện dự án, nhưng đến nay vẫn chưa nhận được trả lời chính thức của Cục Hàng không. Vì vậy. dự án xây dựng Nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng mới trong năm 2018 Công ty chưa thực hiện được .

(Kèm theo báo cáo chi tiết đầu tư năm 2018 theo mẫu 01D)

II/ BÁO CÁO CÔNG TÁC XÂY DỰNG KH 2019

1/ Thuận lợi, khó khăn:

a) Thuận lợi :

- Kinh tế vĩ mô trong nước dự báo trong năm 2019 tiếp tục tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP dự báo từ 6,6-6,8% so với năm 2018.

- Kế hoạch năm 2019 về sản lượng khách quốc tế VNA dự báo tăng trưởng 12% và quốc nội tăng 17,3% so với năm 2018, trong đó khu vực Miền Trung dự báo tăng trưởng quốc nội trên 13% và quốc tế 20% sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho MASCO kinh doanh các dịch vụ trong dây chuyền vận tải hàng không.

- Việc nâng cấp cải tạo cơ sở hạ tầng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng (mở rộng lên tầng 3 Trụ sở Công ty) vào cuối năm 2018 sẽ đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn của các hãng hàng không quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi trong việc khai thác khách hàng quốc tế mới trong năm 2019.

b) Khó khăn:

- Dự án xây dựng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng mới chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch do chưa được cấp đất ảnh hưởng lớn đến hoạch định chiến lược cho sự phát triển bền vững của Công ty trong thời gian tới. Sân bay Phú Bài chưa có các chuyến bay quốc tế hoặc quốc nội (có sử dụng suất ăn) nên hoạt động cung ứng suất ăn tại đây đang gặp nhiều khó khăn.

- Hoạt động kinh doanh taxi không theo kịp với các đối thủ cạnh tranh nên tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận không cao. Đặc biệt là cạnh tranh về giá cả với các hãng taxi công nghệ.

- Lĩnh vực sản xuất và cung úug suất ăn cho đường sắt là lĩnh vực mới khai thác từ đầu năm 2018 và đã đi vào hoạt động ổn định. Tuy nhiên, đến năm 2019 Công ty sẽ không còn thực hiện cung ứng nữa do đối tác đã dừng không tái ký hợp đồng mới, đồng thời mặt bằng sản xuất suất ăn đường sắt phải trả lại cho chủ đất, sẽ làm giảm doanh thu và hiệu quả của đơn vị.

- Giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng do tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp, đặc biệt là giá xăng, dầu liên tục tăng cao ảnh hưởng nhiều đến việc xây dựng đơn giá kinh doanh vận chuyển taxi, đào tạo dạy nghề.

- Phương án mua chung, liên kết sản phẩm, dịch vụ giữa các đơn vị thuộc Tổng công ty chưa có sự đồng thuận tuyệt đối của các lãnh đạo đơn vị trong ngành nên triển khai thực hiện chậm, dự báo sẽ còn kéo dài ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ cho Hãng không Jetstar Pacific Airlines tại sân bay Cam Ranh.

- Một số nhiệm vụ được Tổng Công ty giao cho MASCO thực hiện tốt những năm trước đây như vận chuyển tổ lái tiếp viên tại Đà Nẵng và Cam Ranh, cung ứng vật tư vật phẩm tại Cam Ranh, đến nay TCT đã dừng giao nhiệm vụ do MASCO không trúng thầu đã làm giảm hiệu quả SXKD của MASCO.

2/ Mục tiêu xây dựng kế hoạch năm 2019 :

- Về công tác thị trường: Tiếp tục triển khai áp dụng chiến lược cạnh tranh để củng cố vị thế và thị phần cung ứng suất ăn của MASCO tại khu vực Miền Trung, hướng đến phát triển kinh doanh bền vững của đơn vị trong những năm tới. Xây dựng kế hoạch chi tiết Marketing, triển khai thực hiện tìm kiếm đối tác cung cấp để bổ sung nguồn hàng kinh doanh, đồng thời tổ chức chào hàng cạnh tranh cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho toàn công ty nhằm giảm giá đầu vào tăng hiệu quả kinh doanh;

- Về công tác đầu tư: Tiếp tục làm việc với các cơ quan chủ quản Bộ giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, Tổng Công ty HKVN để xin cấp đất cho MASCO xây dựng nhà chế biến suất Đà Nẵng mới đáp ứng nhu cầu tăng trưởng trong thời gian tới. Trong ngắn hạn sẽ tiến hành cải tạo Nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng để đáp ứng các yêu cầu của các hãng hàng không mới mở đường bay như: Qata Airways…

- Về sản xuất kinh doanh: Ưu tiên mở rộng hoạt động SXKD kinh doanh thương mại tại sân bay Cam Ranh, kinh doanh phòng C. Xây dựng chính sách dịch vụ, giá ưu đãi dành cho các đơn vị là công ty con, công ty liên kết của TCT HKVN-CTCP cùng góp phần tăng khả năng cạnh tranh của các đơn vị trong ngành. Triển khai thực hiện mua chung hàng hóa, dịch vụ theo VNA như Bảo hiểm cơ sở vật chất, bảo hiểm xe…

- Về nguồn nhân lực: Triển khai công tác tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2019. Xây dựng phương án trả lương cho người lao động theo phương pháp trả lương theo 3P (Trả lương theo vị trí công việc; Trả lương theo năng lực và Trả lương theo kết quả công việc).

3/ Một số chỉ tiêu chính của kế hoạch năm 2019 :

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch 2019	KH 2019/ TH 2018 (%)
1	*2*	*3*	4	5=4/3
I	**Kết quả kinh doanh**			
1	**Sản lượng suất ăn**	**2,239,443**	**2,912,962**	**130.08%**
	- Sản lượng suất ăn VNA	1,827,620	2,363,370	129.31%
	- Sản lượng suất ăn các hãng khác	411,823	549,592	133.45%
2	**Tổng doanh thu**	**237,936**	**242,726**	**102.01%**
	- Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	235,429	242,684	103.08%
	Trong đó: Doanh thu HHDV cung ứng cho TCT	119,668	120,958	101.08%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	122	42	34.43%
	- Thu nhập khác	2,385	-	
3	**Tổng chi phí**	**219,705**	**223,850**	**101.89%**
4	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**18,231**	**18,876**	**103.54%**
5	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**14,854**	**15,404**	**103.70%**

II	**Các chỉ tiêu khác**			
1	Vốn chủ sở hữu			
1.1	Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm của DN	43,479	43,479	100.00%
1.2	Vốn đầu tư của các chủ sở hữu cuối kỳ báo cáo	42,677	42,677	100.00%
	Trong đó:			
	+ Vốn đầu tư của TCT vào DN cuối kỳ báo cáo	15,413	15,413	100.00%
	+ Tăng, giảm vốn góp của TCT trong năm.			
2	Lợi nhuận/cổ tức TCT được hưởng trong kỳ			
	+ Bằng tiền			
	+ Bằng cổ phiếu (Giá trị theo mệnh giá)			
3	Tỷ suất Lợi nhuận ST/Vốn CSH BQ (%)	34.2%	35.4%	103.70%
4	Kế hoạch đầu tư trong kỳ			
4.1	Đầu tư XDCB và TTB			
	- Giá trị khối lượng công việc hoàn thành	7,120	54,050	759.12%
	- Giá trị giải ngân	5,271	54,050	1025.34%
4.2	Đầu tư vốn vào DN khác			
5	Tổng quỹ lương, tiền công thực hiện	58,439	59,183	101.27%
6	Lao động bình quân	675	645	95.56%

4/ Vốn chủ sở hữu năm 2019 :

- Vốn chủ sở hữu năm 2019 tính đến 1/1/2019 : 42.676.830.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu năm 2019 tính đến 31/12/2019 : 42.676.830.000 đồng.

5/ Kế hoạch đầu tư năm 2019 : 54,050 tỷ đồng

(Kèm theo bảng chi tiết kế hoạch đầu tư năm 2019 theo biểu mẫu 02A)

6/ Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019:

- Tiếp tục triển khai áp dụng chiến lược cạnh tranh về dịch vụ cung ứng suất ăn theo các tiêu chuẩn yêu cầu của các hãng hàng không. Tập trung xây dựng các thực đơn mới và chủ động chào hàng cho các hãng là đối tác của Công ty và các hãng hàng không mới, đặc biệt quan tâm tới chính sách hậu mãi sau bán hàng đối với khách hàng truyền thống.

- Thường xuyên kiểm tra, thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng , máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển theo kế hoạch nhằm đảm bảo quá trình hoạt động SXKD và phục vụ tốt nhất cho các dịch vụ kinh doanh thuộc dây chuyền vận tải hàng không

- Thường xuyên nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác cung cấp nguồn hàng kinh doanh, đồng thời tổ chức chào hàng cạnh tranh cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho toàn công ty nhằm giảm giá đầu vào tăng hiệu quả kinh doanh.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí trong tất cả các khâu trong qúa trình SXKD nhất là chi phí quản lý nhằm tiết kiệm chi phí tăng lợi nhuận.

- Nghiên cứu phát triển dịch vụ bán hàng tại các nhà ga hàng không, đặc biệt là nhà ga quốc nội Cam Ranh. Nghiên cứu tham gia hợp tác với các Hãng Ta-xi địa phương và toàn quốc để áp dụng hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin (ứng dụng gọi xe chung), nâng cao khả năng cạnh tranh với các Hãng xe ta-xi "công nghệ" (Grab, Didi Chuxing...) và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 tại tất cả các nhà máy chế biến suất ăn của MASCO và chứng nhận Halal tại các đơn vị Cung ứng suất ăn để nâng cao chất lượng dịch vụ và yêu cầu của các Hãng bay .

- Nghiên cứu, sắp xếp lại lao động hiện có, rà soát lại cơ cấu tổ chức, đổi mới và xây dựng lại Phương án lương cho người lao động theo hướng đảm bảo công bằng và khuyến khích người lao động có tay nghề cao (Phương pháp trả lương theo 3P: Trả lương theo vị trí công việc; Trả lương theo năng lực và Trả lương theo kết quả công việc).

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THANH ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Mẫu 01D

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB
Kỳ báo cáo: Năm 2018

Stt	Danh mục đầu tư	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Thực hiện đến 31/12/2018			Giá trị giải ngân đến 31/12/2018			Giá trị TS đã hình thành đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn tự có	%	Vốn huy động	%		Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2018	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2018	
A	**Các dự án nhóm A**														
B	**Các dự án nhóm B**														
C	**Các dự án khác**	**ĐHĐCĐ 2018**													
I	**Dự án chuyển tiếp kỳ trước**		**2,253**	**2,253**	**100%**	**-**	**0%**			**1,675**	**1,675**		**886**	**886**	**-**
1	**Đầu tư trang thiết bị**														
2	**Đầu tư xây dựng cơ bản**		**2,253**	**2,253**	**100%**	**-**	**0%**			**1,675**	**1,675**		**886**	**886**	
	Các dự án chuẩn bị đầu tư														
	Các dự án thực hiện đầu tư		**2,253**	**2,253**	**100%**	**-**	**0%**			**1,675**	**1,675**		**886**	**886**	
	Cải tạo sửa chữa tuyến đường nội bộ Cam Ranh		2,253	2,253	100%	-	0%	Quý 1		1,675	1,675		886	886	
II	**Dự án đầu tư mới**		**74,010**	**35,560**	**48%**	**38,450**	**52%**			**5,445**	**5,445**		**4,385**	**4,385**	**1,674**
1	**Đầu tư trang thiết bị**		**20,610**	**2,160**	**10%**	**18,450**	**90%**			**1,493**	**1,493**		**1,493**	**1,493**	**1,493**
a	**Các dự án chuẩn bị đầu tư**														
b	**Các dự án thực hiện đầu tư**		**20,110**	**1,660**	**8%**	**18,450**	**92%**			**992**	**992**	**-**	**992**	**992**	**992**
1	Nâng cấp trạm biến áp Cam Ranh 400KVA		500	500	100%	-	0%	Quý 2			-		-	-	-
2	Máy giặt , máy sấy dự phòng CXR (2 cái, CS 10kg)		80	80	100%	-	0%	Quý 2			-		-	-	-
3	Cải tạo hệ thống cửa bảo vệ suất ăn Đà Nẵng		430	430	100%	-	0%	Quý 2			-		-	-	-
4	Đầu tư bổ sung xe taxi 12 chiếc 5 chỗ		7,200	-	0%	7,200	100%	Quý 4			-		-	-	-
5	Đầu tư bổ sung xe taxi 10 chiếc 7 chỗ		7,600	-	0%	7,600	100%	Quý 4			-		-	-	-
6	Đầu tư xe đông lạnh phục vụ SA ĐS tại DAD và CXR		1,000	300	30%	700	70%	Quý 1		401	401		401	401	401
7	Đầu tư kho đông lạnh phục vụ SA ĐS		350	350	100%	-	0%	Quý 1			-		-	-	-
8	Đầu tư 3 xe 5 chỗ tự động (DN Huế 01 và Đà Nẵng 02)		1,950	-	0%	1,950	100%	Quý 1		591	591		591	591	591
9	Đầu tư 2 xe tải (DN Huế 01 và Đà Nẵng 01)		1,000	-	0%	1,000	100%	Quý 1			-		-	-	-
c	**Đầu tư trang thiết bị lẻ**		**500**	**500**	**100%**	**-**	**0%**			**501**	**501**	**-**	**501**	**501**	**501**
1	Thiết bị lẻ khác		500	500	100%	-	0%	Cả năm		501	501		501	501	501
	(Tủ đông SA DAD, cầu xe đẩy, đủ đông 4 cánh DAD,kho mát, ống rác)														
2	**Đầu tư xây dựng cơ bản**		**53,400**	**33,400**	**63%**	**20,000**	**37%**			**3,952**	**3,952**		**2,892**	**2,892**	**181**
a	**Các dự án chuẩn bị đầu tư**														
b	**Các dự án thực hiện đầu tư**		**53,400**	**33,400**	**63%**	**20,000**	**37%**			**3,952**	**3,952**		**2,892**	**2,892**	**181**
1	Xây dựng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng		50,000	30,000	60%	20,000	40%	Quý 4							
2	Xây dựng nhà xưởng chế biến suất ăn ĐS		400	400	100%	-	0%	Quý 1		322	322		322	322	
3	Cải tạo khu chế biến SA giai đoạn I của CXR		1,500	1,500	100%	-	0%	Quý 1		181	181		181	181	181
4	Cải tạo mở rộng bếp suất ăn Đà Nẵng		1,500	1,500	100%	-	0%	Quý 4		3,449	3,449		2,389	2,389	
	a/Cải tạo mở rộng bếp suất ăn Đà Nẵng									**1,532**	**1,532**		**1,109**	**1,109**	
	+ Phần cải tạo xây dựng									1,042	1,042		875	875	
	+ Thang tời 2									168	168		92	92	
	+ Thang máy 1									323	323		142	142	
	b/Phát sinh mua thiết bị thanh lý NCS và lắp đặt									**1,916**	**1,916**		**1,280**	**1,280**	

Stt	Danh mục đầu tư	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Thực hiện đến 31/12/2018			Giá trị giải ngân đến 31/12/2018			Giá trị TS đã hình thành đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn tự có	%	Vốn huy động	%		Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2018	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2018	
	+ Thiết bị mua thanh lý NCS									591	591		591	591	
	+ Vỏ kho đông lạnh (7c)									653	653		338	338	
	+ Máy làm lạnh nhanh (3)									252	252		109	109	
	+ Lắp đặt máy kho lạnh (6)									234	234		100	100	
	+ Lắp đặt hệ thống camera, âm thanh									186	186		142	142	
	Tổng cộng		**76,263**	**37,813**	**50%**	**38,450**	**50%**	*Quý 1*		**7,120**	**7,120**		**5,271**	**5,271**	**1,674**

Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không SB Đà Nẵng (MASCO) BM 02A

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XBCB & TRANG THIẾT BỊ NĂM 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Thông tin về danh mục đầu tư			Giá trị khối lượng công việc hoàn thành			Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn VCSH	Tiến độ thực hiện	Luỹ kế đến đầu kỳ lập KH	KH năm	Tiến độ triển khai t/hiện năm KH	Luỹ kế đến đầu kỳ lập KH	KH năm	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
A	**Dự án chuyển tiếp kỳ trước (I+II)**									
I	**Đầu tư trang thiết bị (1+2+3)**									
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư									
2	Các dự án thực hiện đầu tư									
3	Đầu tư trang thiết bị lẻ									
II	**Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2)**									
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư									
2	Các dự án thực hiện đầu tư									
B	**Dự án đầu tư mới (I+II)**	102,385	43,486			54,050			54,050	
I	**Đầu tư trang thiết bị lẻ (1+2+3)**	2,300	1,736			2,300			2,300	
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư									
2	Các dự án thực hiện đầu tư	1,800	1,236			1,800			1,800	
	Xe 5 chỗ tự động dạy lái (DN Đà Nẵng 01 xe)	600	306	Quý 3		600	Quý 3		600	
	Thiết bị dò kim loại (An ninh suất ăn CXR)	300	300	Quý 1		300	Quý 1		300	
	Xe 16 chỗ chở tổ lái tiếp viên (CXR 01 xe)	900	630	Quý 1		900	Quý 1		900	
3	Đầu tư trang thiết bị lẻ	500	500			500			500	
	Thiết bị lẻ	500	500	Cả năm		500	Cả năm		500	
II	**Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2)**	100,085	41,750			51,750			51,750	
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư									
2	Các dự án thực hiện đầu tư	100,085	41,750			51,750			51,750	
	Cải tạo Hệ thống xử lý nước thải tại Đà Nẵng	750	750	Quý 1		750	Quý 1		750	
	Di dời kho suất ăn và khối văn phòng Công ty	1,000	1,000	Quý 1		1,000	Quý 1		1,000	
	Dự án nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng mới	98,335	40,000	Quý 4		50,000	Quý 4		50,000	
	Tổng cộng (A+B)	**102,385**	**43,486**			**54,050**			**54,050**	

Công ty cổ phần dịch vụ HK sân bay Đà Nẵng

KẾ HOẠCH THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

ĐVT: 1.000 ĐỒNG

STT	Chức danh	Số người	TH Năm 2018		KH Năm 2019	
			Thù lao	BQ/tháng/người	Thù lao	BQ/tháng/người
1	Chủ tịch HĐQT	1	42,000	3,500	42,000	3,500
2	Uỷ viên HĐQT	4	96,000	2,000	96,000	2,000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	21,600	1,800	21,600	1,800
4	Uỷ viên BKS	2	33,600	1,400	33,600	1,400
Tổng cộng		**8**	**193,200**		**193,200**	